|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI** |  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 20/2023/NQ-HĐND | *Lào Cai, ngày 08 tháng 12 năm 2023* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 16**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Hoà giải ở cơ sở ngày 20 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật;*

*Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở;*

*Xét Tờ trình số 169/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Nghị quyết Quy định một số mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 237/BC-BPC ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Quy định một số mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định một số mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Các nội dung, mức chi khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính hiện hành quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

3. Một số mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lào Cai: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

4. Nguồn kinh phí thực hiện:

a) Kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở của cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

b) Kinh phí từ nguồn tài trợ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành**

1. Uỷ ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khóa XV, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

4. Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, gồm: Nghị quyết số 44/2016/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2016 về mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở; [Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Nghi-quyet-24-2021-NQ-HDND-sua-doi-Nghi-quyet-44-2016-NQ-HDND-tinh-Lao-Cai-499270.aspx) ngày 08 tháng 12 năm 2021 s[ửa đổi khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 44/2016/NQ-HĐND về mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Nghi-quyet-24-2021-NQ-HDND-sua-doi-Nghi-quyet-44-2016-NQ-HDND-tinh-Lao-Cai-499270.aspx); Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 về mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 về mức chi hỗ trợ xây dựng, quản lý tủ sách pháp luật của Uỷ ban nhân dân các xã trên địa bàn tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);- Kiểm toán Nhà nước Khu vực VII;- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;- Ban TT UBMTTQVN tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;- TT: HĐND, UBND cấp huyện;- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;- Báo, Đài PTTH, Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;- Các phòng chuyên môn thuộc VP;- Lưu: VT, PC. | **CHỦ TỊCH***(Đã ký)***Vũ Xuân Cường** |

**Phụ lục**

**MỘT SỐ MỨC CHI ĐẶC THÙ BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT VÀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND*

*ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chi** | **Đơn vị tính** | **Mức chi** *(Đvt: nghìn đồng)* | **Ghi chú** |
| **Cấp tỉnh** | **Cấp huyện** | **Cấp xã** |
| **1** | **Chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật; hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch** |  |  |  |
| a | Xây dựng đề cương |  |  |  |
|  - | Xây dựng đề cương chi tiết | Đề cương | 1.200  | 840 | 600 |  |
|  - | Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát | Đề cương hoàn chỉnh | 1.440  | 960  | 720 |  |
| b | Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch |  |  |  |
|  - | Soạn thảo Chương trình, đề án, kế hoạch | Chương trình, đề án, kế hoạch | 1.800  | 1.200 | 840 |  |
|  - | Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến | Báo cáo | 500 | 360 | 240 |  |
| c | Tổ chức họp, tọa đàm góp ý |  |  |  |
|  - | Chủ trì | Người/ buổi | 180 | 150 | 120 |  |
|  - | Thành viên dự | Người/ buổi | 100 | 80 | 50 |  |
| d | Ý kiến tư vấn của chuyên gia | Văn bản | 500 | 300 | 200 |  |
| đ | Xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch |  |  |  |
|   | Chủ tịch Hội đồng | Người/ buổi | 200 | 150 | 100 |  |
|  - | Thành viên Hội đồng, thư ký | Người/ buổi | 150 | 120 | 80 |  |
|  - | Đại biểu được mời tham dự | Người/buổi | 100 | 80 | 50 |  |
|  - | Nhận xét, phản biện của Hội đồng | Bài viết | 300 | 200 | 100 |  |
|  - | Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng | Bài viết | 200 | 150 | 100 |  |
| e | Ý kiến thẩm định chương trình, đề án, kế hoạch | Bài viết | 500 | 300 | 200 | Đối với trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt |
| g | Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch | Văn bản | 500 | 300 | 200 |  |
| **2** | **Chi thù lao** |  |   |  |
| a | Thù lao cho báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện | Người/buổi | Thực hiện theo Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định một số mức chi thực hiện cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lào Cai |  |
| b | Thù lao cho tuyên truyền viên pháp luật tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật |  |  |  |
| - | Tuyên truyền viên pháp luật là lãnh đạo Đảng uỷ/Uỷ ban nhân dân cấp xã | Người/buổi | 500 |  |
| - | Tuyên truyền viên khác  | Người/buổi | 300 |  |
| c | Thù lao cho hoà giải viên cơ sở tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật | Người/buổi | 300 |  |
| d | Thù lao cho người được mời tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; Người hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt với tư cách là giảng viên | Người/buổi | Thủ trưởng cơ quan tổ chức quyết định áp dụng mức chi tương ứng quy định tại điểm a, b, c của mục này  |  |
| đ | Trường hợp thực hiện phổ biến giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù theo quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20, 21, 22 của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật |  | được hưởng thêm 20% mức thù lao được nhận |  |
| **3** | **Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt** |  |  |  |
| a | Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật | Người/ngày  | 40 | Không quá 1 ngày |
| b | Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt | Người/buổi | 10 |  |
| **4** | **Chi tổ chức cuộc thi, hội thi** |  |   |  |
| a | Chi tổ chức cuộc thi, hội thi sân khấu có thêm mức chi đặc thù sau: |  |  |  |
| - | Thuê dẫn chương trình  | Người/buổi | 1.800 | 1.200 | 850 |  |
| - | Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu | Ngày | 10.000 | 6.000 | 3.000 |  |
| - | Thuê văn nghệ, diễn viên | Người/ngày | 360 |  |
| b | Chi giải thưởng  |  |  | Mức chi này là tối đa. Tùy theo quy mô và địa bàn tổ chức cuộc thi để quyết định mức chi giải thưởng cụ thể. |
| **\*** | Đối với cuộc thi sân khấu hoá |  |  |
|  | - Giải nhất: |  |  |
|   | + Tập thể | Giải | 7.500 | 4.800 | 3.600 |
|   | + Cá nhân | Giải | 3.800 | 2.400 | 1.800 |
|   | - Giải nhì: |  |  |
|   | + Tập thể | Giải | 5.200 | 3.600 | 2.400 |
|   | + Cá nhân | Giải | 2.400 | 1.800 | 1.200 |
|   | - Giải ba: |  |  |
|   | + Tập thể | Giải | 3.800 | 2.400 | 1.800 |
|   | + Cá nhân | Giải | 1.800 | 1.200 | 840 |
|   | - Giải khuyến khích: |  |  |
|   | + Tập thể | Giải | 2.400 | 1.800 | 1.200 |
|   | + Cá nhân | Giải | 1.200 | 840 | 600 |
|   | - Giải phụ khác | Giải | 600 | 480 | 360 |
| **\*** | Đối với các cuộc thi khác |  | Tùy theo quy mô, cấp tổ chức cuộc thi phê duyệt mức chi giải thưởng cụ thể, nhưng mức cao nhất không vượt quá 80% mức giải thưởng tương ứng quy định của cuộc thi sân khấu hoá  |  |
| **5** | **Chi thực hiện báo cáo thống kê về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở** |  |  |  |
| a | Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo của các bộ, ngành, địa phương |  | 60 |  |
| b | Báo cáo của các Sở, ngành, địa phương | Báo cáo | 1.200  | 840 | 600 | Mức chi này là tối đa. Tuỳ theo tính chất mà người có thẩm quyền quyết định mức chi trả nhưng không thấp hơn 500.000 đồng/người/báo cáo |
| **6** | **Chi biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở đặc thù** |  |  |  |
| a | Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định) | Tờ gấp đã hoàn thành | 1.200 |  |
| b | Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định) | Tình huống đã hoàn thành | 360 |  |
| c | Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định) | Câu chuyện đã hoàn thành | 1.800 |  |
| đ | Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia) | Tiểu phẩm đã hoàn thành | 6.000 |  |
| **7** | **Hỗ trợ xây dựng tủ sách pháp luật của UBND các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã thuộc huyện nghèo trên địa bàn tỉnh Lào Cai** | Tủ sách/xã/năm | 1.000 |  |
| **8** | **Các khoản chi công tác hòa giải ở cơ sở** |  |  |  |
| a | Chi thù lao cho hòa giải viên |  |  |  |
|  | - Đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải | Vụ, việc/tổ hòa giải | 300 |  |
|  | - Trường hợp vụ, việc hòa giải thành theo Điều 24 Luật Hòa giải ở cơ sở | Vụ, việc/tổ hòa giải | 400 |  |
| b | Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải (chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải) | Tổ hoà giải/tháng | 150 |  |